TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 02/10/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng Bích
2. Ông Đặng Hữu Tấn
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Cán bộ Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 653/2018/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 08 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1985, cư trú số: 26L4 ấp MK2, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1977, cư trú số: 26L4 ấp MK2, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 28 tháng 08 năm 2018, tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Đỗ Văn P do mai mối, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LS, huyện PT, tỉnh AG, theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 22 tháng 05 năm 2008,hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp, trong thời gian sống chung thường xảy ra bất hòa. Vợ chồng cùng cố gắn hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay, bà Tnhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông P. Việc bà Tyêu cầu ly hôn trong thời gian qua, ông Pcó biết việc bà khởi kiện xin ly hôn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Tnhưng ông Pkhông đến Tòa án để giải quyết hôn nhân và tự ý bỏ đi về quê của ông Ptại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang để sinh sống.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có ba con chung tên Đỗ Phước T, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2005 (nam), Đỗ Tuấn K, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2008 (nam) và Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2012. Bà Tđồng ý giao con chung cho ông Ptrực tiếp nuôi dưỡng, bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Hiện nay do các con đang sống chung với ông Ptại huyện PT, tỉnh AG, có nơi ở và học tập nên các con chung không đồng ý về chung sống với bà T tại LX nên bà không yêu cầu các con đến Tòa án cung cấp lời khai xác định các con chung có yêu cầu sống chung với cha hay mẹ hay không,

nhưng giữa bà và các con thường liên hệ điện thoại được biết các con chung đồng ý sống chung với ông P tại PT nên bà T không yêu cầu Tòa án lấy lời khai các con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T yêu cầu được tự thỏa thuận với ông Pnên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn P vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Đỗ Văn P. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà Ttự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng/3 con chung; thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con lần lượt thành niên (18 tuổi).

Bị đơn ông Đỗ Văn Pvắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Bị đơn ông Pvắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Đỗ Văn Pđăng ký kết hôn năm 2008. Giữa bà Tvà ông Pphát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan Tchăm sóc lo lắng quan tâm nhau, ly thân từ năm 2017 cho đến nay, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tđối với ông Plà phù hợp quy định tại điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, cháu Đỗ Phước T, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2005 (nam), Đỗ Tuấn K, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2008 (nam) và Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2012 hiện nay sống chung với ông Ptại huyện PT, tỉnh AG, được ông chăm lo tốt, có nơi ở ổn định, ông Pkhông có ý kiến đối với yêu cầu của bà Tnên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Tgiao ba con chung cho ông Pđược trực tiếp nuôi không xem xét. Đối với cấp dưỡng nuôi con chung bà Ttự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng/3con chung và thời gian cấp dưỡng từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên 18 tuổi. Xét vè nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là của cha mẹ. Nay bà Ttự nguyện cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đỗ Văn Pkhông đến Tòa và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông P.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đỗ Văn Pvà bà Nguyễn Thị Minh T hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LX, huyện PT, tỉnh AG, theo giấy trích lục kết hôn số 46, ngày 22 tháng 05 năm 2008 được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, bà Tvà ông Pphát sinh mâu thuẫn, bà Txin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống chung bà Tluôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

[4] Xét, hôn nhân giữa bà Tvà ông Pmâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà Tkhông còn tình cảm với ông P, không yêu thương, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông Pvắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông P. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Tđược ly hôn với ông P.

[5] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng bà Tvà ông Pcó ba con chung tên Đỗ Phước T, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2005 (nam), Đỗ Tuấn K, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2008 và Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2012. Bà Tyêu cầu giao ba con chung cho ông Ptrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện nay, các con chung đang sống chung với ông P, có nơi ở và học tập ổn định. Việc các con chung sống chung với ông P, ông không có ý kiến. Do đó, xét cần thiết phải giao con chung cho ông Ptrực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho ông Ptrực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, bà Ttự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.235.000đ/tháng/3con chung, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung lần lượt thành niên (18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ được pháp luật quy định. Do đó, bà Ttự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.235.000đ/tháng/3 con chung là phù hợp quy định nên chấp nhận.

[6] Trong thời gian sống chung vợ chồng, bà Txác định giữa bà và ông Pkhông có tài sản chung, nợ chung giữa vợ chồng với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Tnộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8; Điều 9; Điều 19, Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Đỗ Văn P.

Về quan hệ con chung:

Ông Ptrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung tên Đỗ Phước T, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2005 (nam), Đỗ Tuấn K, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2008 và Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2012.

Bà Nguyễn Thị Minh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.235.000đ (hai triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng)/tháng/3 con chung tên Đỗ Phước T, sinh ngày 27 tháng 09 năm 2005 (nam), Đỗ Tuấn K, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2008 và Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 05 năm 2012. Thời gian thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung lần lượt thành niên (18 tuổi). Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Đỗ Văn Pkhông có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh T nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009857, ngày 28 tháng 08 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Minh T nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Văn Pđược quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà Hương, em Khang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND TPLX;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương